

PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG VIẾT HỢP TÁC

Dương Phước Quý Châu

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Nhận bài: 06/09/2020; Hoàn thành phản biện: 30/10/2020; Duyệt đăng: 28/12/2020

Tóm tắt: Viết hợp tác là thuật ngữ mô tả hoạt động viết cặp hoặc nhóm mà trong đó các thành viên phải hợp tác cùng nhau từ đầu đến cuối để tạo ra một bài viết chung. Mặc dù hiệu quả của hoạt động viết hợp tác đã được nhiều học giả trên thế giới chứng minh, hiện vẫn có rất ít đề tài ở Việt Nam nghiên cứu về chủ đề này. Do vậy, nghiên cứu này được tiến hành tại hai lớp Viết tiếng Anh dành cho sinh viên chuyên ngữ nhằm khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên sau khi tham gia vào các hoạt động viết đoạn và viết luận theo cặp và nhóm tại lớp. Số liệu nghiên cứu được thu thập từ 79 sinh viên thông qua bảng hỏi và phỏng vấn sâu. Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết sinh viên có thái độ tích cực đối với hoạt động này và đa số sinh viên khẳng định muốn tiếp tục tham gia hoạt động viết hợp tác. Mặc dù sinh viên cũng nêu ra một số khó khăn trong quá trình viết chung, nhưng họ cảm nhận những lợi ích hoạt động viết hợp tác mang lại trội hơn nhiều so với những trở ngại.

Từ khóa: Viết hợp tác, tương tác giữa người học, ý kiến phản hồi

1. Mở đầu

Theo quan điểm của thuyết văn hóa xã hội, việc học vừa là hoạt động nhận thức vừa là hoạt động xã hội. Những người theo đuổi học thuyết này cho rằng kiến thức và nhận thức của người học sẽ được hình thành thông qua các tương tác xã hội (Vygotsky, 1978). Do vậy, những hoạt động ngôn ngữ như nói và viết cần được tiến hành theo hình thức hợp tác để tạo cơ hội cho người học tương tác với nhau (Lantolf & Thorne, 2006). Đặc biệt trong bối cảnh giảng dạy ngoại ngữ, người học thường ít có cơ hội thực tế để sử dụng ngôn ngữ đích, vậy nên các hoạt động hợp tác trong lớp học càng mang ý nghĩa quan trọng hơn bởi người học sẽ cùng nhau tiếp nhận và tạo ra ngôn ngữ đích thông qua các hoạt động này (García Mayo & Pica, 2000; Philp & Tognini, 2009; Sato, 2013, trích dẫn trong Sato & Ballinger, 2016).

Mặc dù kỹ năng nói và viết đều rất quan trọng trong việc học ngoại ngữ, các học giả đã chỉ ra rằng kỹ năng viết nếu được tiến hành theo hình thức hợp tác thì sẽ tạo nhiều cơ hội thực hành ngôn ngữ hơn cho người học bởi người học sẽ phải dùng kỹ năng nói để tương tác cùng nhau trong quá trình tiến hành hoạt động viết hợp tác (Storch, 2013). Trong chừng hai thập kỷ qua, nhiều nghiên cứu về hiệu quả của hoạt động viết hợp tác trong việc dạy và học ngôn ngữ hai/ngoại ngữ (sau đây gọi chung là ngôn ngữ hai) đã được tiến hành ở nhiều nơi trên thế giới. Kết quả cho thấy hoạt động này mang lại những tác động tích cực, giúp người học viết chính xác hơn, sử dụng từ vựng và ngữ pháp tốt hơn (Fernández Dobao, 2012; Kim, 2008; Mutwarasibo, 2013; Nassaji & Tian, 2010; Shehadeh, 2011; Storch, 2005).

Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu cũng công nhận rằng kết quả nghiên cứu trong ngữ cảnh này không mang tính đại diện cho ngữ cảnh khác. Do vậy, cần phải tiến hành những nghiên cứu khác nhau trong các ngữ cảnh khác nhau. Ngoài ra, các học giả cũng cho rằng thái độ tham gia của người học vào các hoạt động viết hợp tác là một yếu tố tác động đến hiệu quả của các hoạt

động này đối với việc học. Vấn đề này chưa được tiến hành nghiên cứu trong ngữ cảnh giảng dạy tiếng Anh bậc đại học ở Việt Nam. Do vậy, nghiên cứu này được tiến hành nhằm khảo sát phản hồi của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh sau khi tham gia hoạt động viết hợp tác trong giờ học tiếng Anh ở trường, trên cơ sở đó đưa ra các đề xuất về việc áp dụng các hoạt động viết hợp tác trong giảng dạy ngoại ngữ.

Với mục tiêu tìm hiểu thái độ của người học khi tham gia các hoạt động viết hợp tác và thu thập ý kiến của người học về hiệu quả của các hoạt động viết hợp tác, hai câu hỏi nghiên cứu đã được đặt ra:

1. Người học có thái độ như thế nào về việc tham gia các hoạt động viết hợp tác?
2. Người học có ý kiến gì về hiệu quả của các hoạt động viết hợp tác?

2. Cơ sở lý luận

2.1. Định nghĩa viết hợp tác

Có nhiều định nghĩa khác nhau về viết hợp tác. Nhiều tác giả cho rằng, trong quá trình viết cá nhân, nếu người học có sự hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau, thì như vậy đã có thể xem là một dạng của viết hợp tác (Harris, 1994). Tương tự, một số học giả cho rằng, trong quá trình viết, sẽ có những giai đoạn người học phải cùng làm việc với nhau, ví dụ như giai đoạn thảo luận tìm ý, hoặc đọc dò bài giúp nhau, thì như thế được xem là viết hợp tác (Edgington, 2012).

Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu không đồng ý với các khái niệm trên. Theo họ, viết hợp tác là một quá trình mà hai hay nhiều người phải cùng làm việc với nhau từ đầu đến cuối để cùng nhau tạo ra một bài viết chung (Howard, 2001). Theo định nghĩa này, những người tham gia viết hợp tác là đồng tác giả và đồng sở hữu của bài viết mà họ tạo ra. Để làm rõ hơn về khái niệm này, Storch (2013) giải thích rằng viết hợp tác là “một hoạt động mà trong đó những người viết chung phải cùng nhau chia sẻ và thảo luận ý tưởng, cùng nhau đưa ra quyết định, và cùng nhau chịu trách nhiệm về việc tạo ra một bài viết chung” (tr.3).

Theo cách hiểu này, viết hợp tác bao gồm cả quá trình và sản phẩm: quá trình tương tác giữa những người tham gia từ khi thảo luận ý tưởng cho đến khi hoàn thành bài viết, và sản phẩm chính là bài viết được tạo ra với sự đóng góp của tất cả thành viên. Storch (2013) giải thích kỹ hơn rằng “không có sự phân chia vai trò và sự đóng góp của các thành viên trong quá trình viết, mà các thành viên phải cùng nhau tham gia vào tất cả các khâu để tạo ra sản phẩm” (tr.3). Có thể thấy rằng, viết hợp tác, theo định nghĩa của Storch (2013), sẽ cho người học nhiều cơ hội để tương tác và hỗ trợ nhau hơn. Do vậy, định nghĩa này được lựa chọn để sử dụng trong nghiên cứu này.

2.2. Tầm quan trọng của viết hợp tác trong việc học ngôn ngữ hai

Việc áp dụng hoạt động viết hợp tác trong quá trình dạy và học ngôn ngữ hai được nhiều nhà nghiên cứu và nhiều học giả ủng hộ, bởi họ tin rằng việc tiếp thu ngôn ngữ của sinh viên sẽ được đẩy mạnh thông qua quá trình tương tác khi viết chung (Bruffee, 1999; Lai, 2011; Nunan, 1992, trích dẫn trong Sato & Ballinger, 2016). Nhiều học giả còn khẳng định rằng hình thức viết hợp tác này còn hiệu quả hơn các hình thức làm nhóm truyền thống khác, bởi khi người học phải cùng nhau tạo ra một bài viết chung, thì họ sẽ chú ý tới ngôn ngữ nhiều hơn và

giải quyết các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ tốt hơn (Alwaleedi, 2017). Do vậy, viết hợp tác là một hoạt động không chỉ được xem là “học để viết” mà còn là “viết để học” (Manchón, 2011; Storch, 2013), và hai lợi ích được các học giả đề cao của viết hợp tác chính là phản hồi của bạn học và phát triển nhận thức.

Phản hồi của bạn học

Do người học phải thảo luận cùng nhau để thống nhất về nội dung và cách viết nên họ phải đưa ra và nhận lại các phản hồi tức thời từ phía bạn học trong một môi trường trao đổi thoải mái và tự nhiên. Dạng phản hồi hai chiều giữa người học thế này được xem là phù hợp với năng lực ngôn ngữ và khả năng nhận thức của người học hơn so với phản hồi từ giáo viên (Daiute & Dalton, 1993). Ngoài ra, dạng phản hồi từ bạn học này cũng kịp thời hơn, chi tiết hơn, liên quan đến tất cả các vấn đề phát sinh trong quá trình viết, khác với phản hồi từ giáo viên thường được đưa ra cuối quá trình viết và chủ yếu phản hồi về sản phẩm hơn là đưa ra ý kiến về quá trình. Một yếu tố nữa là do các thành viên tham gia viết hợp tác cùng sở hữu chung một bài viết, vậy nên họ sẽ phải cố gắng để bổ sung và hỗ trợ nhau thông qua các phản hồi mang tính xây dựng. Dạng phản hồi này được xem là một dạng của các hoạt động “giàn giáo hỗ trợ” rất cần thiết trong việc học ngôn ngữ hai (Ohta, 2000).

Phát triển nhận thức

Viết là một hoạt động chú trọng về ý tưởng, do vậy người học phải suy nghĩ về các ý tưởng muốn thể hiện và cách thức diễn đạt các ý tưởng đó một cách tốt nhất. Lợi ích của viết hợp tác nằm ở việc người học không phải cố gắng xoay sở giải quyết vấn đề một mình với những kiến thức mà họ biết và kỹ năng mà họ có. Trái lại, họ có nhiều nguồn kiến thức và kỹ năng để chia sẻ và phối hợp (Storch & Wigglesworth, 2007). Thông qua quá trình này, nhận thức về ngôn ngữ hai sẽ nảy sinh. Người học sẽ có thể chỉnh sửa những sai sót, đồng thời có thể tiếp nhận thêm các cấu trúc câu, từ vựng, lối diễn đạt mới... từ bạn học thông qua quá trình thương thuyết và giải quyết vấn đề (Storch, 2013). Điều này có nghĩa là người học có thể củng cố kiến thức đã có song song với việc hình thành kiến thức mới thông qua hoạt động viết hợp tác, và họ có khả năng đạt được kết quả tốt hơn so với khi làm việc một mình (Fernández Dobao, 2012; Khatib & Meihami, 2015; Kim, 2008; Mutwarasibo, 2013; Shehadeh, 2011; Storch, 2005, 2013; Watanabe, 2014).

2.3. Các nghiên cứu về viết hợp tác trong các lớp học ngôn ngữ hai

Lịch sử nghiên cứu về viết hợp tác trong dạy và học ngôn ngữ hai dù khá non trẻ so với các mảng đề tài khác, nhưng đã có số lượng công bố rất đáng kể trong khoảng gần hai thập kỷ qua. Các nghiên cứu sớm về viết hợp tác chủ yếu tiến hành tại lớp học, trong khi rất nhiều nghiên cứu gần đây lại tập trung tìm hiểu về viết hợp tác trên nền tảng máy tính. Đối với các đề tài nghiên cứu về hoạt động viết hợp tác trực tiếp tại lớp, có ba nhóm vấn đề nghiên cứu nổi bật: quá trình viết hợp tác, sản phẩm của hoạt động viết hợp tác, và ý kiến của người học về các hoạt động viết hợp tác.

Các nghiên cứu về quá trình viết hợp tác thường tập trung tìm hiểu bản chất mối quan hệ tương tác giữa người học trong quá trình viết (ví dụ như Kim, 2008; Storch, 2005), hoặc phân tích hội thoại giữa người học và các yếu tố ảnh hưởng đến các hội thoại đó (ví dụ như Fernández Dobao, 2012; Nasaji & Tian, 2010; Storch, 2005; Storch & Wigglesworth, 2007).

Trong khi đó, hầu hết các nghiên cứu về sản phẩm viết hợp tác trong việc học ngôn ngữ hai được tiến hành bằng cách so sánh chất lượng các bài viết hợp tác với chất lượng của các bài viết cá nhân. Chất lượng các bài viết thường được phân tích theo ba nhóm tiêu chí: độ chính xác, độ lưu loát, và độ phức tạp (ví dụ như Fernández Dobao, 2012; Mutwarasibo, 2013; Shehadeh, 2011; Storch, 2005; Storch & Wigglesworth, 2007; Watanabe, 2014). Các khía cạnh khác của bài viết và của việc học ngôn ngữ hai như ngữ pháp, từ vựng, nội dung, bố cục, chính tả, và đánh giá tổng thể bài viết cũng được xem xét trong một số nghiên cứu (ví dụ như Fernández Dobao, 2014b; Khatib & Meihami, 2015; Kim, 2008; Mutwarasibo, 2013; Shehadeh, 2011; Watanabe, 2014). Quan điểm của người học về viết hợp tác không được nghiên cứu nhiều như hai nhóm vấn đề kia. Chỉ có một số đề tài nghiên cứu sâu về vấn đề này (Ajmi and Ali, 2014; Rezeki, 2016). Tuy nhiên, ý kiến và đánh giá của người học về viết hợp tác cũng được thảo luận trong một số đề tài nghiên cứu của hai nhóm vấn đề vừa nêu. Kết quả của các đề tài đó cho thấy đa số người học có thái độ tích cực đối với việc tham gia các hoạt động viết hợp tác. Trong ngữ cảnh giảng dạy ngoại ngữ tại Việt Nam, mảng đề tài này chưa được nghiên cứu nhiều. Do vậy, đề tài này được tiến hành nhằm cung cấp thêm một góc nhìn cho các nhà nghiên cứu về viết hợp tác.

3. Phương pháp nghiên cứu

Quá trình thu thập số liệu

Nghiên cứu được tiến hành tại Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Đối tượng tham gia nghiên cứu là toàn bộ SV của 2 lớp *Viết 3* thuộc khoa Tiếng Anh, gồm có 79 sinh viên. Trong quá trình học, giáo viên giảng dạy cả hai lớp (cũng là nhà nghiên cứu đề tài này) thường xuyên cho sinh viên tham gia các hoạt động viết hợp tác theo cặp hoặc theo nhóm nhỏ không quá 4 người. Sau khi kết thúc học phần và công bố điểm quá trình, giáo viên mời toàn bộ 79 sinh viên tham gia trả lời bảng câu hỏi điều tra và mời ngẫu nhiên 5 sinh viên từ mỗi lớp để tham gia phỏng vấn.

Công cụ thu thập số liệu

Công cụ thu thập số liệu cho nghiên cứu này gồm có bảng câu hỏi điều tra và bảng câu hỏi phỏng vấn. Các câu hỏi trong bảng điều tra được thiết kế theo thang đo Likert năm bậc (từ bậc 1 “*hoàn toàn không đồng ý*” cho đến bậc 5 “*hoàn toàn đồng ý*”). Các câu hỏi phỏng vấn được thiết kế theo dạng câu hỏi mở. Nội dung của các câu hỏi ở bảng hỏi và bảng phỏng vấn được viết bằng tiếng Việt, gồm 3 nhóm vấn đề: thái độ của sinh viên về VHT, cảm nhận của sinh viên về lợi ích của VHT, và những khó khăn gặp phải trong quá trình VHT. Các câu hỏi được chỉnh sửa chủ yếu dựa trên bảng hỏi và bảng câu hỏi phỏng vấn từ đề tài nghiên cứu của Watanabe (2014).

Phương pháp phân tích số liệu

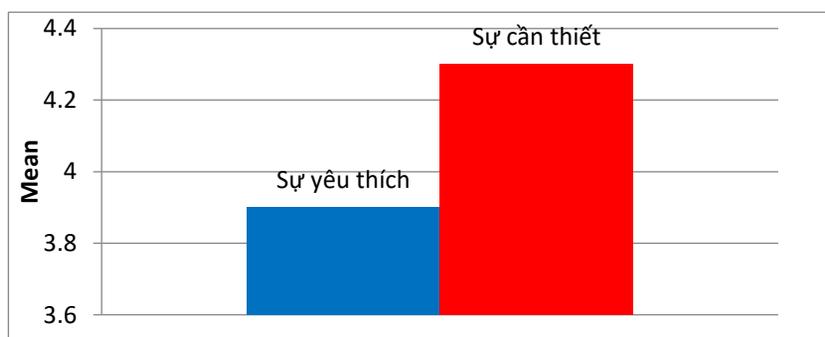
Số liệu thu thập từ bảng câu hỏi được xử lý theo hướng định lượng với sự hỗ trợ của phần mềm xử lý số liệu thống kê SPSS. Giá trị trung bình (Mean) được dùng để xác định mức độ đồng ý của người tham gia nghiên cứu đối với các nhóm vấn đề được đưa ra trong bảng câu hỏi, và được trình bày ở dạng bảng hoặc biểu đồ hình cột hoặc bảng. Tỷ lệ phần trăm của một số câu hỏi có tỉ lệ đồng ý rất thấp hoặc rất cao cũng được đưa ra phân tích và trình bày dưới dạng biểu

đồ hình tròn. Số liệu thu thập được thông qua hình thức phỏng vấn được xử lý chủ yếu theo hướng định tính (được trình bày dưới dạng trích dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp) và thỉnh thoảng theo hướng định lượng (được trình bày theo tỉ lệ phần trăm hoặc số người trả lời giống nhau/tổng số người tham gia trả lời). Những sinh viên (SV) tham gia phỏng vấn được ký danh SV1 đến SV10.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thái độ của sinh viên đối với hoạt động viết hợp tác

Nhóm câu hỏi về thái độ của sinh viên đối với hoạt động viết gồm 12 câu hỏi, trong đó có 6 câu hỏi về sự yêu thích đối với hoạt động viết hợp tác, và 6 câu hỏi về sự cần thiết của hoạt động viết hợp tác. Số liệu được phân tích cho ra kết quả khá thú vị: mức độ yêu thích của sinh viên đối với hoạt động viết hợp tác không quá cao ($M=3.9$, $SD=0.899$), nhưng lại công nhận rằng hoạt động viết hợp tác là cần thiết ($M=4.3$, $SD=0.673$).



Biểu đồ 1. Thái độ của SV đối với hoạt động VHT

Kết quả thu được từ số liệu phỏng vấn khá nhất quán với số liệu của bảng câu hỏi. Trong số 10 sinh viên tham gia phỏng vấn, có đến 9 bạn khẳng định rằng viết hợp tác là hoạt động cần thiết và nên tiến hành thường xuyên trong lớp học bởi hoạt động này mang lại nhiều lợi ích. Về câu hỏi thích tự chọn bạn viết cùng hay để giáo viên phân nhóm, đa số người tham gia phỏng vấn đều trả lời rằng việc tự chọn nhóm hay để giáo viên phân công đều có những thuận lợi và bất lợi riêng, quan trọng là người bạn viết chung đó như thế nào, có vui vẻ và thoải mái trao đổi ý kiến và chịu khó lắng nghe trong quá trình thảo luận với nhau hay không.

Tuy nhiên, khi được hỏi “*Em có thích các hoạt động viết hợp tác trong học kỳ vừa rồi không? Tại sao?*” thì câu trả lời của sinh viên lại khác nhau. Có bạn khẳng định:

Em rất thích viết chung với bạn, em cảm thấy rất vui và học hỏi được nhiều điều... (SV3)

Em thích hoạt động viết chung... hoạt động này vừa vui vẻ vừa bổ ích... (SV1)

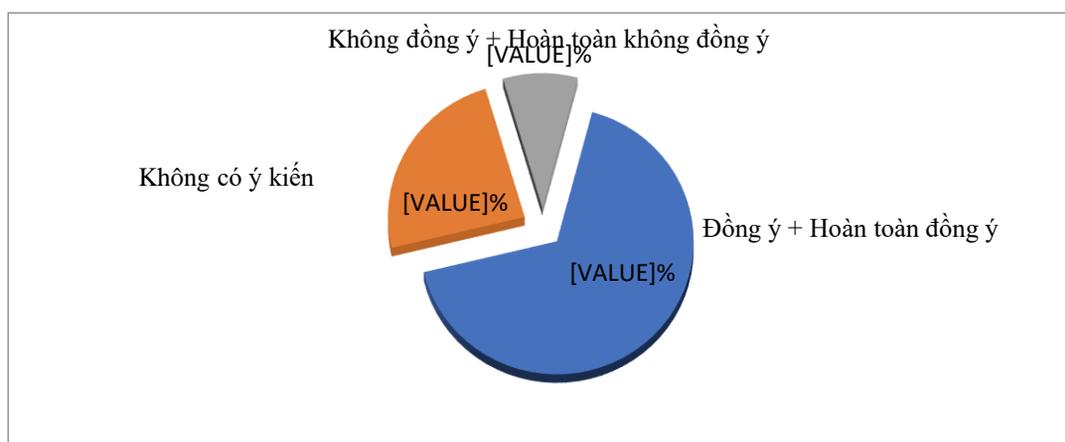
Trong khi đó, có bạn lại bày tỏ:

Em không ưa viết chung, dù thấy hoạt động này cũng có ích... Viết một mình em thấy chủ động và thoải mái hơn (SV9)

Có bạn lại không thể khẳng định mình thích hay không, và giải thích khá chi tiết rằng:

... có khi em thích, có khi lại không thích (hoạt động VHT), tùy thuộc vào chuyện viết với ai và viết cái gì. Khi viết những dạng bài cần ý tưởng sáng tạo như viết truyện thì em thấy viết chung với bạn thú vị hơn nhiều, nhưng khi viết những dạng bài cần lập luận và đưa ra quan điểm cá nhân thì em thích viết một mình hơn... Bạn viết chung mà vui vẻ thì em thấy thoải mái, còn có nhiều bạn khó chịu thì em không thích làm việc cùng ... (SV6)

Mặc dù ý kiến khác nhau như vậy, nhưng do đa số sinh viên đều nhận thấy hoạt động viết hợp tác là cần thiết, nên có hơn 67% sinh viên tham gia nghiên cứu đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng hoạt động viết hợp tác nên được tiến hành thường xuyên trong lớp học, chỉ có gần 9% sinh viên không đồng ý hoặc hoàn toàn không đồng ý với ý kiến này. Kết quả được minh họa trong biểu đồ 2 dưới đây.



Biểu đồ 2. Hoạt động VHT nên được tiến hành thường xuyên trong lớp học

Như vậy, có thể thấy rằng các câu trả lời của sinh viên về sự yêu thích đối với hoạt động viết hợp tác khá tương quan với các kết quả của các nghiên cứu đã được tiến hành về các yếu tố tác động đến quá trình viết hợp tác, trong đó các nhà nghiên cứu khẳng định rằng dạng bài tập, mối quan hệ giữa các thành viên trong nhóm, và kiểu tương tác giữa các thành viên... có ảnh hưởng rất nhiều đến tính chất và hiệu quả của quá trình viết hợp tác (Fernández Dobao, 2012; Nasaji & Tian, 2010; Storch, 2005; Storch & Wigglesworth, 2007; Watanabe, 2014). Tương tự, thái độ khá tích cực với hoạt động viết hợp tác và ý muốn tham gia viết hợp tác lần nữa cũng tương đồng với kết quả thu được của các nghiên cứu trước đây trong các ngữ cảnh dạy và học ngôn ngữ hai khác nhau trên thế giới.

4.2. Lợi ích của hoạt động viết hợp tác

Các câu hỏi về lợi ích của hoạt động viết hợp tác được chia thành hai nhóm: lợi ích đối với sự phát triển của cá nhân (13 câu) và lợi ích đối với chất lượng của bài viết (13 câu). Giá trị trung bình đo được của cả hai nhóm này gần bằng nhau, lần lượt là 4.11 và 4.08. Như vậy, có thể thấy, phản hồi của sinh viên về lợi ích của các hoạt động viết hợp tác khá cao. Các lựa chọn cho từng câu hỏi được thể hiện trong hai Bảng 1 và Bảng 2 dưới đây.

Bảng 1. Lợi ích của hoạt động VHT đối với sự phát triển cá nhân

Lợi ích đối với sự phát triển của người học (N=79)	Min	Max	Mean	SD
Kỹ năng làm việc nhóm tốt hơn	1	5	4.57	.696
Nâng cao kiến thức ngữ pháp	1	5	4.25	.732
Ít mất thời gian đọc lại bài sau khi viết	1	5	3.04	.898
Nâng cao năng lực ngôn ngữ	1	5	3.94	.763
Nâng cao kỹ năng viết	2	5	3.96	.759
Kỹ năng giao tiếp tốt hơn	1	5	4.35	.792
Củng cố ngữ pháp	2	5	4.23	.751
Tránh được nhiều sai sót	1	5	4.36	.704
Học được những cách diễn đạt mới cho 1 ý tưởng	1	5	4.16	.812
Giúp mối quan hệ bạn bè tốt hơn	1	5	3.84	.902
Đem lại nhiều ý tưởng mới	1	5	4.35	.699
Tự tin hơn	1	5	3.96	.918
Phát triển vốn từ vựng	1	5	4.45	.696

Có thể thấy khá rõ từ Bảng 1 rằng, kỹ năng làm việc nhóm là lợi ích được sinh viên ghi nhận nhiều nhất khi tham gia viết hợp tác. Kỹ năng giao tiếp cũng có giá trị trung bình cao thứ ba trong những câu hỏi về lợi ích của viết hợp tác đối với sự phát triển cá nhân. Ngoài ra, viết hợp tác cũng đem lại nhiều lợi ích cho sinh viên về mặt ý tưởng, từ vựng, ngữ pháp, và giúp hạn chế sai sót. Các lợi ích còn lại như sự tự tin, quan hệ bạn bè, năng lực ngôn ngữ, kỹ năng viết... cũng được sinh viên ghi nhận, nhưng ở mức thấp hơn, và đều có giá trị trung bình dưới 4.00.

Bảng 2. Lợi ích của hoạt động VHT đối với chất lượng bài viết

Lợi ích đối với chất lượng bài viết (N=79)	Min	Max	Mean	SD
Bài VHT chính xác về từ vựng hơn	1	5	4.48	.731
Bài VHT thường chặt chẽ hơn	1	5	3.93	.797
Bài VHT chính xác về chính tả hơn	2	5	4.08	.738
Bài VHT có cấu trúc ngữ pháp đa dạng hơn	1	5	4.34	.667
Bài VHT thường mạch lạc hơn	1	5	3.78	.755
Bài VHT có từ vựng đa dạng hơn	1	5	4.43	.698
Bài VHT đa dạng ý tưởng hơn	1	5	4.34	.684
Bài VHT chính xác về ngữ pháp hơn	2	5	4.37	.738
Bài VHT có nội dung nhất quán hơn	2	5	3.76	.776
Bài VHT có chất lượng cao hơn	1	5	3.81	.897
Bài VHT ít mắc lỗi hơn	1	5	4.52	.733
Bài VHT được kiểm tra kỹ hơn	2	5	3.94	.627
Bài VHT dài hơn	1	5	<u>3.34</u>	.856

Tương tự như đối với cá nhân, các lợi ích của viết hợp tác đối với chất lượng bài viết cũng tập trung chủ yếu ở độ chính xác và tính đa dạng về ngữ pháp, từ vựng, chính tả và ý tưởng với các giá trị trung bình từ 4.08 đến 4.52. Các yếu tố khác liên quan đến chất lượng bài viết như độ dài, sự chặt chẽ, tính mạch lạc và nhất quán... được sinh viên ghi nhận thấp hơn, và có giá trị trung bình dưới 4.00.

Có thể thấy từ hai bảng trên rằng, thời gian làm bài viết và độ dài của bài viết là hai câu hỏi đạt giá trị trung bình thấp nhất (3.04 và 3.34). Một lần nữa, kết quả này phù hợp với các kết quả nghiên cứu trước đây trên thế giới (Storch, 2005), rằng viết hợp tác thường mất thời gian hơn nhưng bài viết lại ngắn hơn so với viết cá nhân do viết hợp tác thường mất nhiều thời gian

cho việc thảo luận và thống nhất ý tưởng cũng như cách trình bày giữa các thành viên trong nhóm.

Các ý kiến thu được trong quá trình phỏng vấn khá trùng khớp với số liệu phân tích từ bảng câu hỏi. Các câu trả lời của sinh viên về lợi ích của hoạt động viết hợp tác tập trung chủ yếu vào kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, chính tả) và kỹ năng mềm (giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm) hơn là vào kỹ năng viết (văn phong, sự chặt chẽ, tính mạch lạc và nhất quán) và cảm xúc cá nhân (sự tự tin, phát triển quan hệ bạn bè).

Về kiến thức ngôn ngữ, ý kiến của sinh viên khá nhất quán, đa số cho rằng:

Khi viết chung với nhau như vậy thì chúng em thường hay thảo luận với nhau về cách sử dụng các thì và các cấu trúc câu sao cho đúng... (SV10)

Khi bạn thư ký của nhóm chép bài lên giấy thì những thành viên còn lại vừa tiếp tục thảo luận vừa nhìn xem bạn ấy viết đúng không, vì vậy bài viết sẽ đỡ mắc các lỗi ngữ pháp và chính tả hơn so với khi viết một mình (SV2)

Từ vựng của em không nhiều, nên khi viết chung thì em sẽ học được từ vựng và cách diễn đạt từ các bạn khác trong nhóm (SV5)

Dữ liệu thu thập được từ phần phỏng vấn ghi nhận nhiều ý kiến không có trong bảng hỏi, cụ thể là tác động của hoạt động VHT đối với việc phát triển các kỹ năng mềm và cảm xúc cá nhân. Về kỹ năng mềm, ý kiến của sinh viên khá đa dạng, nhưng đa số tích cực:

Khi viết theo cặp hoặc nhóm thì tất nhiên chúng em phải thảo luận và trao đổi với nhau... cả về ý tưởng lẫn cách thể hiện ý tưởng... Nhờ vậy mà kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm của em cũng tốt hơn (SV1)

Nhiều khi em đưa ra ý tưởng nhưng các bạn khác không đồng ý, thậm chí gạt đi, em phải tìm cách thuyết phục các bạn lắng nghe và chấp nhận ý kiến của em. Em nghĩ đó cũng là cách để khả năng thuyết phục của em tăng lên... (SV4)

Viết chung đôi khi dễ cãi nhau, vì ai cũng muốn giữ ý kiến của mình, nhưng vì chúng em chịu chung kết quả của bài viết, nên chúng em cố gắng để tìm ra phương án tốt nhất và thống nhất với nhau,... (chúng em) phải giải quyết vấn đề thay vì bỏ cuộc (SV8)

Về kỹ năng viết và cảm xúc cá nhân, ý kiến của sinh viên khá trái ngược nhau. Có bạn thì cho rằng:

Khi người này viết và người kia dò song song như vậy thì bài viết sẽ mạch lạc... (SV3)

... vì có thảo luận và thống nhất với nhau rồi mới viết nên bài viết sẽ nhất quán (SV8)

... có nhiều bạn trước đó em không biết hoặc không thân, nhưng viết chung vài lần thấy hợp ý, nên sau đó chơi thân với nhau luôn (SV1)

Trong khi đó, một số bạn khác lại thừa nhận điều ngược lại:

... kiểu chín người mười ý mà đôi khi ai cũng muốn có một phần ý kiến của mình được thể hiện trong bài viết nên nhiều khi em thấy bài viết không được chặt chẽ và logic (SV5)

... nhiều khi ý kiến em đưa ra không được các bạn chấp nhận làm em thấy không thoải mái và cũng có mất tự tin (SV9)

Từ các ý kiến phản hồi của sinh viên, có thể thấy rằng hoạt động viết hợp tác theo kiểu người học phải làm việc với nhau từ đầu đến cuối và cùng sở hữu một bài viết chung sẽ tạo cơ hội cho người học cùng nhau chia sẻ kiến thức và kỹ năng, trao đổi ý tưởng và kinh nghiệm, cũng như hình thành và phát triển các kiến thức và kỹ năng mới có ích cho việc học ngôn ngữ hai.

4.3. Khó khăn của sinh viên khi tham gia viết hợp tác

Trong các khó khăn được kể ra từ các nghiên cứu trước đây, thời gian là yếu tố được đề cập nhiều nhất. Trong 8 câu hỏi về các khó khăn trong quá trình viết hợp tác, có 3 câu hỏi về thời gian, 2 câu hỏi về quan điểm và ý tưởng, 1 câu về khả năng tập trung, 1 câu thái độ, và 1 câu liên quan đến trình độ. Kết quả thu được từ bảng câu hỏi được trình bày trong bảng dưới đây.

Bảng 3. Khó khăn trong quá trình VHT

Khó khăn trong quá trình VHT (N=79)	Min	Max	Mean	SD
Mất nhiều thời gian thảo luận	2	5	3.43	.901
Mất thời gian thống nhất ý tưởng	1	5	3.57	.943
Bất đồng quan điểm khi VHT	1	5	3.67	.970
Bạn viết chung không hợp tác	1	5	3.37	.963
Khó quản lý thời gian khi VHT	1	5	3.37	1.100
Trao đổi khi VHT gây mất tập trung	1	5	2.80	.952
Khó làm việc do chênh lệch nhiều về trình độ	2	5	4.41	.943
Khó thống nhất ý tưởng và quan điểm	1	5	3.57	.983

Điều ngạc nhiên và khác biệt nhất trong kết quả nghiên cứu của đề tài này so với kết quả của các nghiên cứu đã được công bố trước đây (Storch, 2005; Fernández Dobao, 2012) chính là ở phản hồi của người học về các khó khăn trong quá trình viết hợp tác. Khác với các nghiên cứu trước, vốn chỉ ra rằng việc kiểm soát thời gian là trở ngại khá lớn của hoạt động viết hợp tác, nghiên cứu này cho ra kết quả khác. Nhìn vào các giá trị trung bình ở Bảng 3, có thể thấy các khó khăn được nêu ra (ngoại trừ khó khăn liên quan đến trình độ) đều có giá trị trung bình khá thấp, chỉ trong khoảng từ 2.80 đến 3.67, nghĩa là đa số nằm dưới khoảng giữa mức *không có ý kiến* và mức *đồng ý*. Trong đó, yếu tố gây mất tập trung không được sinh viên ghi nhận nhiều, chỉ ở mức M = 2.80, thấp hơn cả mức *không có ý kiến*. Câu hỏi có giá trị trung bình thấp thứ 2 lại chính là câu hỏi về việc quản lý thời gian, với giá trị trung bình chỉ 3.37. Mặc dù độ lệch chuẩn của câu này cao nhất (SD = 1.100), chứng tỏ ý kiến của người tham gia khác nhau nhiều. Tuy nhiên, giá trị trung bình như vậy cũng nói lên rằng trong ngữ cảnh nghiên cứu của đề tài này, các đối tượng tham gia vào nghiên cứu không gặp nhiều khó khăn trong việc quản lý thời gian trong quá trình viết hợp tác.

Tuy nhiên, điều gây chú ý hơn chính là giá trị trung bình lên đến 4.41 của câu hỏi số 34 trong bảng câu hỏi điều tra “*Bạn viết chung có chênh lệch lớn về trình độ sẽ gặp nhiều khó khăn*”. Đây là câu hỏi duy nhất trong nhóm vấn đề này có giá trị trung bình trên 4.00, và nằm ở khoảng giữa của mức *đồng ý* và *hoàn toàn đồng ý*. Chính vì con số khác biệt này nên câu hỏi này được khai thác kỹ hơn trong phần phỏng vấn.

Một số ý kiến đáng chú ý trong quá trình phỏng vấn như sau:

Bạn viết chung (có trình độ) cao hơn các bạn khác thì bạn thường nghĩ rằng ý tưởng của bạn hay hơn và cách viết của bạn tốt hơn nên bạn khư khư giữ ý kiến của mình, không mấy khi lắng nghe và chấp nhận những ý kiến của người khác (SV7)

Nếu em yếu hơn các bạn thì em có nói ra ý kiến cũng chẳng mấy khi được lắng nghe, nên em không nói luôn (SV6)

Khi viết cặp hoặc nhóm thì chúng em cũng có trao đổi và thảo luận với nhau, nhưng thường ý kiến của các bạn giỏi hơn sẽ được lựa chọn, nên các bạn yếu thường ngại nói, thậm chí có khi chỉ ngồi nghe chứ không tham gia ý kiến (SV2)

... các bạn giỏi hơn cũng không hề có thái độ kiêu ngạo, nhiều bạn rất khiêm tốn và dễ thương, nhưng trong quá trình thảo luận nhiều khi cứ hỏi mãi mà các bạn yếu cứ không nói gì cả nên các bạn giỏi phải tự đưa ra ý kiến và quyết luôn (SV10)

Như vậy, có thể thấy, nếu sự chênh lệch trình độ giữa các thành viên trong nhóm khá lớn, thì sẽ ảnh hưởng đến bản chất quá trình tương tác của hoạt động viết hợp tác. Do vậy, vấn đề này cần được giải quyết một cách phù hợp để viết hợp tác phát huy được nhiều lợi ích cho người học hơn.

5. Kết luận và kiến nghị

5.1. Kết luận

Kết quả phân tích số liệu của bảng câu hỏi và phỏng vấn cho thấy đa số sinh viên có thái độ khá tích cực với hoạt động viết hợp tác trong lớp học. Sự yêu thích của sinh viên đối với hoạt động này khá cao, và hầu hết sinh viên đều cho rằng hoạt động viết hợp tác là cần thiết và nên tiến hành thường xuyên tại lớp. Đồng thời, phần lớn sinh viên cũng khẳng định mong muốn tiếp tục tham gia vào hoạt động viết hợp tác trong giờ học ngoại ngữ.

Về những lợi ích của hoạt động viết hợp tác đối với sự phát triển cá nhân, sinh viên đánh giá cao những tác động tích cực của viết hợp tác trong việc phát triển các kỹ năng mềm (như giao tiếp, làm việc nhóm, thương lượng, và giải quyết vấn đề), tiếp đến là việc mở rộng ý tưởng và củng cố kiến thức ngôn ngữ (như ngữ pháp và từ vựng). Hiệu quả của viết hợp tác đối với việc nâng cao kỹ năng viết cũng như tăng cường sự tự tin và các mối quan hệ bạn bè không được sinh viên tán thành nhiều. Về những lợi ích của viết hợp tác đối với chất lượng của bài viết, ý kiến của sinh viên cũng chủ yếu tập trung vào các khía cạnh ngôn ngữ và khẳng định rằng bài viết chung thường đa dạng hơn về ý tưởng và chính xác hơn về ngữ pháp, từ vựng, chính tả. Còn các yếu tố khác như tính nhất quán và mạch lạc, độ dài và chặt chẽ thì không nhận được nhiều lợi ích từ hoạt động viết hợp tác.

Liên quan đến những khó khăn trong quá trình viết hợp tác, số liệu cho thấy trở ngại lớn nhất đối với sinh viên chính là sự chênh lệch lớn về mặt trình độ giữa các thành viên tham gia viết chung, bởi yếu tố này gây ra những hạn chế về mặt tương tác và đôi khi dẫn đến sự thiếu hợp tác trong nhóm/cặp. Các yếu tố khác như thời gian, quan điểm, và khả năng tập trung không gây ra nhiều khó khăn cho sinh viên trong quá trình viết hợp tác.

5.2. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu trên, có thể thấy rằng viết hợp tác được sinh viên nhìn nhận là cần thiết và mang lại nhiều lợi ích đối với việc học ngoại ngữ cũng như đối với sự phát triển bản thân. Để phát huy hiệu quả của hoạt động viết hợp tác, cũng như để hạn chế những khó khăn của sinh viên trong quá trình viết hợp tác, giảng viên có thể cân nhắc về việc áp dụng hoạt động viết hợp tác trong lớp học một cách thường xuyên nhằm tạo cơ hội cho sinh viên tham gia vào quá trình tương tác để cùng nhau xây dựng và củng cố kiến thức và kỹ năng dưới sự hỗ trợ của giảng viên. Các dạng bài tập dùng trong hoạt động viết hợp tác cần được lựa chọn phù hợp nhằm tối đa hóa khả năng diễn ra tương tác và thảo luận giữa người học. Ngoài ra, nên cho sinh viên thay đổi nhóm/cặp khi tham gia vào các hoạt động viết hợp tác khác nhau để sinh viên có cơ hội học hỏi từ nhiều người hơn. Cho dù để sinh viên tự chọn bạn viết hay để giáo viên phân nhóm, thì giáo viên cũng lưu ý hạn chế việc trình độ của các thành viên trong nhóm/cặp có sự chênh lệch quá nhiều khiến quá trình tương tác có thể bị cản trở. Một lưu ý quan trọng nữa là các hoạt động viết hợp tác nên được áp dụng như hoạt động dạy và học, chứ không nên sử dụng làm hoạt động kiểm tra đánh giá, như vậy sẽ tạo tâm lý thoải mái cho sinh viên, để sinh viên ít bị áp lực về kết quả bài viết và do vậy sẽ tương tác với nhau thoải mái hơn. Giảng viên cũng nên hướng dẫn cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm và nâng cao nhận thức của sinh viên về những lợi ích của việc tương tác với bạn học nhằm tạo ra các hoạt động gián giáo hỗ trợ lẫn nhau, như vậy các sinh viên dù có trình độ thấp hay cao cũng sẽ tích cực tham gia thảo luận.

Hạn chế của đề tài này là chỉ khảo sát ý kiến phản hồi của SV ngành Tiếng Anh về các hoạt động VHT được tiến hành trong giờ học môn Việt. Do vậy kết quả nghiên cứu này chưa hẳn đã đúng và áp dụng được với SV các ngành khác hoặc người học ngoại ngữ ở các cấp bậc khác. Ngoài ra, chất lượng bài viết cũng mới chỉ được phản ánh qua ý kiến của người học chứ chưa có sự phân tích chi tiết về mặt văn bản. Vì vậy cần có thêm các nghiên cứu sâu hơn về vấn đề này.

Tài liệu tham khảo

- Alwaleedi, M.A. (2017). Examining language related episodes (LREs) of Arabic as a second language (ASL) learners during collaborative writing activities. *Theory and Practice in Language Studies*, 7(4), 256-263.
- Daiute, C., & Dalton, B. (1993). Collaboration between children learning to write: Can novices be masters? *Cognition and Instruction*, 10(4), 281-333.
- Edgington, A. (2012). Bringing new perspectives to a common practice: A plan for peer review. In P. Hunzer, K.M. (Ed.), *Collaborative learning and writing: Essays on using small groups in teaching English and composition* (pp. 17–29). Jefferson, NC: McFarland & Company, Inc., Publishers.
- Fernández Dobao, A. (2012). Collaborative writing tasks in the L2 classroom: Comparing group, pair, and individual work. *Journal of Second Language Writing*, 21(1), 40-58.
- Harris, J. (1994). Definition of collaborative writing. In J.S. Leonard, C.E. Wharton, R.M. Davis, & J. Harris (Eds.), *Authority and textuality. Current views of collaborative writing* (pp. 77-84). West Cornwall, CT: Locus Hill Press.
- Howard, R.M. (2001). Collaborative pedagogy. In G. Tate, A. Rupiper, & K. Schick (Eds.), *Composition pedagogies: A bibliographic guide* (pp. 54-70). New York: Oxford University Press.
- Khatib, M., & Meihami, H. (2015). Languaging and writing skill: The effect of collaborative writing on EFL students' writing performance. *Advances in Language and Literary Studies*, 6(1), 203-211.

- Kim, Y.J. (2008). The contribution of collaborative and individual tasks to the acquisition of L2 vocabulary. *Modern Language Journal*, 92(1), 114-130.
- Lantolf, J.P., & Thorne, S.L. (2006). *Sociocultural theory and the genesis of second language development*. Oxford University Press.
- Manchón, R.M. (2011). Writing to learn the language: Issues in theory and research. In R.M. Manchón (Ed.), *Learning-to-write and writing-to-learn in an additional language* (pp. 61-82). Amsterdam: John Benjamins.
- Mutwarasibo, F. (2013). Promoting university students' collaborative learning through instructor-guided writing groups. *International Journal of Higher Education*, 2(3), 1-11.
- Nassaji, H., & Tian, J. (2010). Collaborative and individual output tasks and their effects on learning English phrasal verbs. *Language Teaching Research*, 14(4), 397-419.
- Ohta, A.S. (2000). Rethinking interaction in SLA: Developmentally appropriate assistance in the zone of proximal development and the acquisition of L2 grammar. In J.P. Lantolf (Ed.), *Sociocultural theory and second language learning* (pp. 51-78). Oxford University Press.
- Sato, M., & Ballinger, S. (2016). Understanding peer interaction: Research synthesis and directions. In S. B. Masatoshi Sato (Ed.), *Peer interaction and second language learning: Pedagogical potential and research agenda* (pp. 1-30). John Benjamins.
- Shehadeh, A. (2011). Effects and student perceptions of collaborative writing in L2. *Journal of Second Language Writing*, 20(4), 286-305.
- Storch, N. (2005). Collaborative writing: Product, process, and students' reflections. *Journal of Second Language Writing*, 14(3), 153-173.
- Storch, N. (2013). *Collaborative writing and L2 learning*. Multilingual Matters.
- Storch, N., & Wigglesworth, G. (2007). Writing tasks: Comparing individual and collaborative writing. In M.P. Garcia Mayo (Ed.), *Investigating tasks in formal language learning* (pp. 157-177). London: Multilingual Matters.
- Vygotsky, L.S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Cambridge: Harvard University Press.
- Watanabe, Y. (2014). *Collaborative and independent writing: Japanese university English learners' processes, texts and opinions*. University of Toronto.

STUDENTS' REFLECTIONS ON COLLABORATIVE WRITING EXPERIENCE

Abstract: Collaborative writing, the process in which two or more people work together from start to finish to produce a single text, is strongly promoted by scholars in the view of the fact that students' second language learning can be facilitated through peer interaction in completing written tasks. This study applies questionnaires and in-depth interviews to investigate students' reflections on their collaborative writing experience at two intact English writing classes at a Vietnamese university with 79 participants. The findings show that most students have positive attitude towards collaborative writing tasks applied as classroom activities. Though some difficulties are pointed out, most participants believe that the benefits of collaborative writing outweigh the drawbacks as well as show interest in taking part in collaborative writing tasks again.

Keywords: Collaborative writing, peer interaction, students' reflection